

ẢNH HƯỞNG CỦA PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM TRONG CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Trần Thị Lệ Hằng

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, các doanh nghiệp khoa học công nghệ ở Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng và tác động. Trong đó, họ có nhiều thách thức cũng như cơ hội để tiếp cận, ứng dụng phát triển theo hướng đẩy mạnh đổi mới khoa học công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh với quy mô lớn cả về số lượng và chất lượng để phát triển. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp này còn tồn tại nhiều hạn chế về mặt pháp luật trong việc tiếp cận, bắt kịp khoa học công nghệ với khu vực và thế giới. Bài viết này phân tích các ảnh hưởng của pháp luật đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và đề xuất một số kiến nghị và đưa ra giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo cơ hội phát triển cho doanh nghiệp khoa học công nghệ tại Việt Nam.

Từ khóa: Ảnh hưởng, cách mạng công nghiệp 4.0, doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ, pháp luật.

Nhận bài ngày 27.10.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.11.2021

Liên hệ tác giả: Trần Thị Lệ Hằng; Email: ttlhang@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 mở ra nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm, tạo ra sự thay đổi lớn về hình thái kinh doanh dịch vụ, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, giảm đáng kể chi phí giao dịch, vận chuyển, đồng thời cũng là cơ hội lớn cho sản xuất công nghiệp với trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, đưa đất nước tiếp cận tới trình độ công nghệ như nhiều quốc gia phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Nhằm phát triển khoa học và công nghệ, Đảng ta luôn có sự quan tâm đúng đắn và kịp thời. Tại Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã xác định: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.” và “Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ của đất nước, chiến lược thu hút công

nghe từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên đất nước ta”. [7] Thành tựu của CMCN 4.0 đã đặt ra nhiều thách thức về quy mô, về năng lực đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam, về tầm nhìn và khả năng cạnh tranh. Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng đề ra các chính sách và hoàn thiện pháp luật để đưa nền khoa học công nghệ nước nhà bắt kịp xu thế CMCN 4.0 của thế giới.

Do đó, nếu các doanh nghiệp khoa học công nghệ đủ sức vươn mình biến thách thức thành thời cơ để tiếp cận, ứng dụng và đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, thì việc phát triển các doanh nghiệp phát triển khoa học công nghệ với quy mô lớn cả về số lượng và chất lượng sẽ trở thành hiện thực. Trong đó, pháp luật giữ một vị thế vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội, các quy định pháp luật cần được bổ sung và hoàn thiện từ các quy định để khắc phục các hạn chế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khoa học công nghệ phát triển trong thời kỳ CMNC 4.0 bùng nổ như hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Cách mạng công nghiệp 4.0 và đặc trưng của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với đối với các doanh nghiệp Việt Nam

2.1.1. Một số khái niệm

Theo Klaus Schwab, *cách mạng công nghiệp 4.0* là: Cuộc cách mạng công nghiệp tập trung vào công nghệ kỹ thuật số từ những thập kỷ gần đây lên một cấp độ hoàn toàn mới với sự trợ giúp của kết nối thông qua internet vạn vật, truy cập dữ liệu thời gian thực và giới thiệu các hệ thống vật lý không gian mạng. Công nghiệp 4.0 cung cấp một cách tiếp cận liên kết và toàn diện hơn cho sản xuất. Nó kết nối vật lý với kỹ thuật số và cho phép cộng tác và truy cập tốt hơn giữa các bộ phận, đối tác, nhà cung cấp, sản phẩm và con người. Công nghiệp 4.0 trao quyền cho các chủ doanh nghiệp kiểm soát và hiểu rõ hơn mọi khía cạnh hoạt động của họ và cho phép họ tận dụng dữ liệu tức thời để tăng năng suất, cải thiện quy trình và thúc đẩy tăng trưởng.

Theo Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: *Doanh nghiệp* là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Như vậy, doanh nghiệp được hiểu là một tổ chức kinh tế, có tư cách pháp nhân hoặc không, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo qui định của pháp luật, nhằm đạt được những mục tiêu nhất định.

Theo quy định tại *Luật Khoa học công nghệ* năm 2013, doanh nghiệp khoa học công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất kinh doanh, dịch vụ khoa học công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Có thể nói, tiềm năng của DN KHCN là rất lớn, đang từng bước tạo ra sản phẩm đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững, tạo đà cho tăng trưởng, giúp cho thu nhập bình quân đầu người tăng cao.

2.1.2. Đặc trưng của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với các doanh nghiệp khoa học công nghệ tại Việt Nam

Đặc trưng của CMCN 4.0 đối với các DN KHCN tại Việt Nam đầu tiên phải kể đến chính là sự kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực tế, tiếp đến là tốc độ phát triển chưa từng có tiền lệ trong lịch sử, bởi sự phát triển của nó phải tính theo cấp số nhân. Cuối cùng có thể nói đến chính là sự tác động mạnh mẽ đến kinh tế, xã hội, môi trường.

Một là, Kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể. CMCN 4.0 tạo ra sự hợp nhất, không có ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật số và sinh học. CMCN 4.0 đang làm thay đổi cách thức sản xuất, chế tạo. DN KHCN trên thế giới cũng như DN KHCN tại Việt Nam đang biến mình thành các “nhà máy thông minh”, các máy móc được kết nối Internet và liên kết với nhau qua một hệ thống có thể tự hình dung toàn bộ quy trình sản xuất rồi đưa ra quyết định sẽ thay thế dần các dây chuyền sản xuất trước đây. Những đột phá công nghệ là bước ngoặt cho các DN KHCN tại Việt Nam đẩy nhanh tốc độ phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ của mình, tạo ra các sản phẩm tiện ích nhất, nhanh nhất, hiệu quả nhất.

Hai là, Qui mô và tốc độ phát triển. CMCN 4.0 mang lại sự đột phá và phát triển vượt bậc. Bởi thời gian từ khi các ý tưởng về công nghệ và đổi mới sáng tạo được phôi thai, hiện thực hóa các ý tưởng đó trong các phòng thí nghiệm và thương mại hóa ở qui mô lớn các sản phẩm và qui trình mới được tạo ra trên phạm vi toàn cầu được rút ngắn đáng kể. Chính vì vậy, DN KHCN tại Việt Nam cũng thừa hưởng và cần đáp ứng đủ các yêu cầu để tạo ra những đột phá công nghệ, với tốc độ rất nhanh và tương tác thúc đẩy nhau đang tạo ra một thế giới được số hóa, tự động hóa và ngày càng trở nên hiệu quả và thông minh hơn.

Ba là, Ảnh hưởng mạnh mẽ đến các mặt kinh tế, sản xuất. CMCN 4.0 có những ảnh hưởng to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường ở tất cả các cấp – toàn cầu, khu vực và trong từng quốc gia. Các ảnh hưởng này mang tính rất tích cực trong dài hạn, song cũng tạo ra nhiều thách thức điều chỉnh trong ngắn đến trung hạn. Tại Việt Nam, các DN KHCN đang dần tạo ra bước chuyển biến rõ rệt đối với nền kinh tế, xã hội, môi trường của nước nhà, cụ thể:

Về mặt kinh tế, các DN KHCN đang tác động đến tiêu dùng, sản xuất và giá cả, tạo cơ hội cho mọi người dân đều được hưởng lợi nhờ tiếp cận được với nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng với chi phí thấp hơn. Nhờ những đột phá về công nghệ trong các lĩnh vực năng lượng (cả sản xuất cũng như sử dụng), vật liệu, Internet vạn vật, người máy, ứng dụng công nghệ in 3D (hay còn được gọi là công nghệ chế tạo đắp dần, có ưu việt là giúp tiết kiệm nguyên vật liệu và chi phí lưu kho hơn nhiều so với công nghệ chế tạo cắt gọt truyền thống)... đã giúp giảm mạnh áp lực chi phí nhờ chuyển đổi sang một thế giới hiệu quả, thông minh và sử dụng nguồn lực tiết kiệm hơn.

Từ góc độ sản xuất, doanh nghiệp Việt Nam đang dần bắt nhịp với thế giới trong việc thực hiện công nghệ và đổi mới sáng tạo. CMCN 4.0 giúp các doanh nghiệp có cơ hội mở rộng thị trường phát triển, nhưng theo khảo sát của Bộ Công thương hiện nay thì có tới 61% doanh nghiệp Việt Nam hiện nay vẫn đứng ngoài cuộc CMCN 4.0 và gần 21% doanh nghiệp mới có động thái chuẩn bị [1]. Do đó, tình trạng doanh nghiệp thiếu hụt về sự hiểu biết cũng như tâm thế hội nhập để theo kịp vòng quay phát triển không ngừng của CMCN 4.0 mang lại còn rất cao.

2.2. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ tại Việt Nam

Thứ nhất, CMCN 4.0 đưa DN KHCN lên tầm cao mới. Điều này được hiện thực hóa thông qua chuyển đổi số. Trong CMCN 4.0, doanh nghiệp chia ra làm 2 loại hình. Đó là doanh nghiệp thuần túy số hóa và doanh nghiệp truyền thống chuyển đổi số. Chính bởi, sự phát triển như vũ bão của CMCN 4.0 đem lại cho thế giới những đột phá về công nghệ, là cuộc cách mạng sản xuất mới, đem lại các giá trị mới, giúp giải phóng con người, giải phóng sức lao động và thủ tiêu mọi sự kìm hãm đối với các doanh nghiệp, tạo đà cho các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để trở thành các DN KHCN, ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào sản xuất – kinh doanh (SXKD), đem lại hiệu quả kinh tế cho đất nước.

Thứ hai, tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển toàn diện. CMCN 4.0 tạo điều kiện cho DN KHCN đột phá công nghệ và phát triển giúp cho Việt Nam trong việc xây dựng quốc gia phát triển, điều đó đều dựa vào việc nước ta có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ lõi cách mạng 4.0 như trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi khối, điện toán đám mây... Chính công nghệ tiên tiến, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực thể chế quyết định tăng trưởng trong dài hạn, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng thu nhập bình quân đầu người chỉ ở mức trung bình như hiện nay.

Thứ ba, xây dựng và ban hành chính sách pháp luật. Ban hành chỉnh sửa và bổ sung các quy định của pháp luật đối với DN KHCN phù hợp với thời kỳ bùng nổ CMCN 4.0. Nhà nước đã có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khoa học và công nghệ với mục đích khuyến khích và tạo động lực cho các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh như: Ban hành Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về DN KHCN. Kể từ đó đến nay số lượng các DN khởi nghiệp sáng tạo đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận DN KHCN gia tăng nhanh. Nhà nước đã có những chính sách cho phát triển DN KHCN có tác động rõ rệt, kích thích phát triển doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với DN KHCN còn nhiều khó khăn, số doanh nghiệp được hỗ trợ còn khá khiêm tốn, vẫn còn một số chính sách chưa kịp thời tác động đến DN KHCN, như: chính sách ưu tiên sử dụng các trang thiết bị phục vụ trong phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; hưởng ưu đãi về giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

2.3. Thực trạng ảnh hưởng của pháp luật Việt Nam đến các doanh nghiệp khoa học công nghệ tại Việt Nam hiện nay

Việt Nam với khoảng 810.000 doanh nghiệp tính đến năm 2020, để đạt mục tiêu trên, tốc độ tăng trưởng số lượng doanh nghiệp trong 5 năm tới phải đạt 12 - 14%/năm, tính ra mỗi năm sẽ có thêm 100.000 - 150.000 doanh nghiệp, nhưng chúng ta chỉ có trên 540 DN KHCN.[3] Qua số liệu có thể thấy, tỷ lệ và số lượng DN KHCN còn quá thấp. Các DN KHCN được cấp giấy chứng nhận có kết quả KHCN chủ yếu ở một số lĩnh vực mũi nhọn như: công nghệ sinh

học (38,5%), công nghệ tự động hóa (20,6%), công nghệ vật liệu mới (9,8 %), công nghệ thông tin (9,3%).[3]

Trong đó, theo báo cáo của Cục Phát triển thị trường và DN KHCN, Căn cứ báo cáo của 235 doanh nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2019:

- DNKHCN tạo việc làm cho 31.264 người lao động với thu nhập bình quân tháng 15 triệu đồng/người.

- Tổng doanh thu của 235 doanh nghiệp năm 2019 đạt: 147.170,5 tỷ đồng. Trong đó, có 217 doanh nghiệp có doanh thu từ sản phẩm KH&CN với tổng: 24.123,1 tỷ đồng (chiếm 16,3% tổng doanh thu). Năm 2019, GDP theo giá hiện hành của Việt Nam đạt 6294000 tỷ đồng. Như vậy, tổng doanh thu của 235 DNKHCN đạt 2,39 % GDP cả nước.

- 198 doanh nghiệp có lãi với tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt: 5.268,5 tỷ đồng. Trong đó, tổng lợi nhuận trước thuế của sản phẩm KH&CN đạt: 1.343,9 tỷ đồng/183 doanh nghiệp.[8]

DN KHCH đang góp phần tạo ra công ăn việc làm cho lao động có trình độ, chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật công nghệ, nâng cao thu nhập bình quân đầu người, góp phần ổn định xã hội, phát triển nước nhà.

Mặc dù, Nhà nước đã có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khoa học và công nghệ với mục đích khuyến khích và tạo động lực cho các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh như:

Ban hành Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về DN KHCN. Kể từ đó đến nay số lượng các DN khởi nghiệp sáng tạo đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận DN KHCN gia tăng nhanh. Nhà nước đã có những chính sách cho phát triển DN KHCN có tác động rõ rệt, kích thích phát triển doanh nghiệp như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cụ thể: được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, hay DN KHCN được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai. Ngoài ra, DN KHCN còn được hưởng các ưu đãi về vay tín dụng và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ

Các doanh nghiệp được cấp chứng nhận công nhận “Doanh nghiệp khoa học – công nghệ” đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thương mại hóa sản phẩm. Bên cạnh đó, Nhà nước hỗ trợ về đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ giúp doanh nghiệp có giá trị thương hiệu trong quảng bá sản phẩm qua các hội thảo, triển lãm, kết nối cung – cầu, chợ công nghệ và thiết bị; các chính sách ưu đãi của Nhà nước nên doanh nghiệp tiết kiệm được nguồn tài chính để tiếp tục đầu tư cho khoa học công nghệ, tạo ra sản phẩm mới có chất lượng cao

Tuy nhiên, việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với DN KHCN còn nhiều khó khăn, số doanh nghiệp được hỗ trợ còn khá khiêm tốn, vẫn còn một số chính sách chưa kịp thời tác động đến DN KHCN, như: chính sách ưu tiên sử dụng các trang thiết

bị phục vụ trong phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; hưởng ưu đãi về giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. Do đó, số lượng DN KHCN, vườn ươm DN KHCN của chúng ta còn quá ít so với tiềm năng phát triển. Chất lượng, dịch vụ tại các Vườn ươm hiện có còn hạn chế nên chưa thúc đẩy tạo điều kiện cho các DN KHCN hình thành và phát triển. Thực trạng này là do một số rào cản chủ yếu sau:

Thứ nhất, pháp luật liên quan đến DN KHCN tại Việt Nam chưa đồng bộ với các Luật trong một số lĩnh vực có liên quan (ví dụ như Luật Đất đai), dẫn tới việc DN KHCN chưa được hưởng ưu đãi theo quy định. Cụ thể, nhiều doanh nghiệp KH&CN chưa được hưởng những ưu đãi liên quan đến quyền sử dụng đất, được thuê đất, cơ sở hạ tầng với mức giá thấp nhất theo khung giá của Nhà nước tại địa phương nơi DN KHCN thuê, đặc biệt đối với các DN KHCN nằm ngoài các khu công nghệ cao. Bên cạnh đó, chính sách thuế của Nhà nước đối với một số ngành, lĩnh vực hiện còn một số điểm chưa hợp lý đối với việc khuyến khích phát triển DN KHCN. Ví dụ, trong việc quy định áp dụng mức thuế nhập nguyên liệu cao hơn mức thuế sản phẩm nhập khẩu của một số mặt hàng mà đại đa số các doanh nghiệp tại Việt Nam chưa sản xuất được, khiến cho sản phẩm mà DN KHCN đầu tư nghiên cứu và thực hiện sản xuất trong nước (chịu mức thuế cao do nhập nguyên liệu) phải cạnh tranh không bình đẳng với sản phẩm nhập khẩu (được áp dụng mức thuế suất rất thấp, thậm chí là 0%).

Thứ hai, khó khăn của DN KHCN trong việc áp dụng các quy định pháp luật. Hiện nay, bên cạnh những chính sách ưu đãi thì hệ thống pháp luật nước ta còn thiếu các văn bản quy định hướng dẫn chi tiết, liên ngành nên việc đưa các chính sách ưu đãi này vào thực tiễn còn gặp khó khăn, chưa thực sự hấp dẫn; điều kiện, thủ tục để được thụ hưởng một số chính sách ưu đãi còn ngặt nghèo, cụ thể như: một số DN KHCN khó khăn về hiện thực hóa kết quả nghiên cứu KHCN do thiếu nguồn hỗ trợ tài chính để đầu tư cơ sở vật chất và quảng bá giới thiệu sản phẩm; các cơ quan nhà nước cấp phép sản xuất lưu hành chậm, dẫn đến việc đấu thầu các dự án công của các DN KHCN bị ảnh hưởng vì thiếu các quy định về định mức, đặc biệt là chính sách ưu đãi về thuế thu nhập DN.

Ngoài ra, Quy định tỷ lệ doanh thu tối thiểu 30% khi thương mại hóa kết quả KHCN làm hạn chế DN có tiềm năng để có thể thành DN KHCN; thiếu cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn hỗ trợ cho DN chứng nhận DN KHCN; các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo DN chưa phát huy hiệu quả.

Thứ ba, việc thực thi Luật Sở hữu trí tuệ tại nhiều địa phương chưa nghiêm túc, tình trạng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn diễn ra tại nhiều nơi. Điều này cũng làm hạn chế việc thu hút đầu tư cho R&D tại Việt Nam. Hơn nữa, Luật Khoa học và công nghệ đưa ra quy định mới về DN KHCN chưa phù hợp như đã phân tích, trong khi chưa ban hành văn bản hướng dẫn thi hành, vô tình hình thành nên một rào cản mới đối với việc hình thành và phát triển DN KHCN trong thời điểm hiện nay.

Thứ tư, về tổ chức hoạt động DN KHCN. Để trở thành DN KHCN, các doanh nghiệp Việt Nam gặp nhiều rào cản như: các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ tiềm lực tài chính hạn chế

nên đầu tư cho nghiên cứu khoa học chứa nhiều rủi ro do thiếu nhân lực có trình độ; thiếu các tổ chức hỗ trợ, thiếu sự liên kết và điều kiện vật chất đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, nên chưa mạnh dạn đầu tư cho KHCN. Ngoài ra, nhận thức về nghiên cứu khoa học còn hạn chế, đổi mới công nghệ và tạo ra sản phẩm mới chưa đúng mức nguồn từ ngân sách nhà nước dành cho nghiên cứu khoa học còn ít; chưa chú trọng đến thương hiệu và sở hữu trí tuệ; các sản phẩm nghiên cứu khoa học chưa nổi trội về chất lượng sản phẩm nên không có thị trường để chuyển giao và ít đem lại lợi nhuận cao cho DN KHCN.

2.4. Một số giải pháp xây dựng pháp luật tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ

Một là, đồng bộ hóa hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về KHCN và đổi mới sáng tạo, gồm: Luật Khoa học công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật quản lý sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành để bảo đảm thực thi được các chính sách hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian; cơ chế giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu,... Xây dựng cơ chế giám sát thực thi Luật Sở hữu trí tuệ một cách nghiêm túc để giảm tình trạng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, tạo điều kiện cho các DN KHCN có môi trường để hoạt động theo mục đích của mình.

Hoàn thiện khung pháp lý, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo tiền đề hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sớm gia nhập thị trường với thời gian và chi phí hợp lý. Giảm đầu mối các cơ quan quản lý nhà nước về DN KHCN theo hướng tinh gọn. Xây dựng cơ chế chuyển đổi tổ chức khoa học công nghệ công lập sang thành lập các DN KHCN, bổ sung kịp thời các chuyên gia tư vấn cho vườn ươm DN KHCN.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về ưu đãi đối với DN KHCN, cụ thể như: đổi mới chính sách thuế của Nhà nước đối với một số ngành, lĩnh vực để khuyến khích phát triển DN KHCN, xây dựng các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đối với từng lĩnh vực để các nội dung ưu đãi được triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Mở rộng mạng lưới liên kết hỗ trợ phát triển DN KHCN, xóa bỏ một số điểm không phù hợp với nhu cầu và thực tiễn của các địa phương, đặc biệt là các quy định liên quan đến hỗ trợ ươm tạo DN KHCN.

Ba là, phổ biến, tuyên truyền pháp luật. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần thường xuyên phổ biến, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, doanh nghiệp, người dân về vai trò của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội với các nội dung cụ thể như: Phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về việc thực hiện các quy định, văn bản pháp lý liên quan đến chính sách phát triển DN KHCN.

Bốn là, cải tiến và nâng cao công tác quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ. Tập trung nguồn lực hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính cấp thiết, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và có ảnh hưởng sâu rộng. Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia

được hình thành và chuyển dịch theo hướng đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm, đưa các kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, hàng hóa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu; tạo sự liên kết giữa nghiên cứu, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ, thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ; tạo môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao sức sản xuất và cạnh tranh của doanh nghiệp.

Năm là, đề xuất Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển DN KHCN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung vào nội dung hỗ trợ DN KHCN phát triển thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu để hình thành các DN KHCN dẫn đầu. Phấn đấu đến những năm 2030, Việt Nam hướng tới một xã hội thịnh vượng, thuộc nhóm có thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành một quốc gia phát triển, định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. KẾT LUẬN

Trên thế giới, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa, an ninh, quốc phòng,... và được coi là cạnh tranh vị thế quốc gia, cạnh tranh năng lực tự chủ và phát triển của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa. Quá trình đổi mới sáng tạo đang diễn ra mạnh mẽ ở rất nhiều nước trên thế giới với những cấp độ khác nhau, đặt ra những cơ hội lớn và những thách thức không nhỏ. Việt Nam cũng đang đứng trước cơ hội và thách thức này. Sự bùng nổ của CMCN 4.0, tác động lớn đến mọi mặt, tất cả lĩnh vực của nước ta. Vì thế, cần có chiến lược và chính sách phù hợp để khai thác, tận dụng thành công những cơ hội và ứng phó hiệu quả với các khó khăn, thách thức. Các doanh nghiệp Việt Nam không còn xa lạ gì với CMCN 4.0, rất nhiều doanh nghiệp đã sử dụng người máy vào dây chuyền sản xuất của mình. Chính bởi thành tựu đó, CMCN 4.0 đã đặt ra nhiều thách thức về quy mô các doanh nghiệp, về năng lực đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam, về tầm nhìn và khả năng cạnh tranh, cùng với các chính sách pháp luật đổi mới sáng tạo từ phía Nhà nước thì việc phát triển các doanh nghiệp theo hướng đẩy mạnh khoa học công nghệ với quy mô lớn cả về số lượng và chất lượng sẽ trở thành hiện thực, đặc biệt đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ tại Việt Nam hiện nay, góp phần đưa Việt Nam hòa mình vào xu thế phát triển, hội nhập toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2017), Tài liệu Diễn đàn CMCN 4.0, tổ chức ngày 11/4/2017, Hà Nội.
2. Cục phát triển thị trường (2019), *Báo cáo của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ năm 2019*, Hà Nội.
3. Cục Phát triển Thị trường và DN KHCN (2020), *Báo cáo tổng kết tình hình đăng ký và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ năm 2019*, Hà Nội.
4. Chính Phủ (2019), Nghị định số 13/2019/NĐ-CP, ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học công nghệ.
5. Hà Thị Hương Lan (2019), “Giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam trong cuộc Cách mạng Công

- ngành 4.0”, Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính, trên trang <https://tapchitaichinh.vn> đăng ngày 09/02/2019, truy nhập 02/7/2021.
6. Trương Thanh Phong (2020), “Hoàn thiện chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*.
 7. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
 8. Tổng cục Thống kê (2020), Tổng quan kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2020;
 9. Viện Khoa học Lãnh đạo và Quản lý (2018), “Nghiên cứu các giải pháp nhằm xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay” (2018 – 2020), Đề tài cấp bộ do Viện Khoa học Lãnh đạo và Quản lý chủ trì.

THE EFFECT OF LAW ON SCIENCE AND TECHNOLOGY ENTERPRISES IN VIET NAM IN INDUSTRY 4.0

Abstract: *In the 4th industrial revolution, science and technology enterprises in Vietnam have faced with many challenges. In particular, they have many challenges as well as opportunities to approach and apply advanced technology in the direction of promoting scientific and technological innovation and improving competitiveness on a large scale in both quantity and quality for their development. Besides, these enterprises also have many legal limitations in accessing and catching up with science and technology with the region and the world. This article analyzes the influence of the law on science and technology enterprises in Industry 4.0 and proposes some recommendations and solutions to improve the legal system to create opportunities for science and technology enterprises development in Vietnam*

Keywords: *Industry 4.0, enterprises, science and technology enterprises, law, effect.*